

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 05 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

### 1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Tổng hợp giữa niên độ quý 1 năm 2026 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



Nguyễn Văn Tuệ

TỔNG CÔNG TY CỔ  
PHẦN XÂY DỰNG  
ĐIỆN VIỆT NAM

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM  
DN: C=VN, S=Thành phố Đà Nẵng, CN=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0400101450  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026-05-19 17:09:20  
Foxit Reader Version: 10.0.0

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026**

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND (Phân loại lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.590.802.011.917</b>	<b>1.584.624.771.163</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>6.828.649.070</b>	<b>6.302.038.780</b>
1. Tiền	111		6.828.649.070	6.302.038.780
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.309.220.242.436</b>	<b>1.302.661.591.831</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	546.478.398.912	536.417.311.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	51.809.433.159	58.795.440.195
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	164.992.000.000	164.992.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	560.375.982.239	556.892.411.666
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(14.435.571.874)	(14.435.571.874)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>219.460.131.265</b>	<b>219.493.058.389</b>
1. Hàng tồn kho	141		219.460.131.265	219.493.058.389
<b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>	<b>150</b>		-	-
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>160</b>		<b>55.292.989.146</b>	<b>56.168.082.163</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	162		54.207.610.206	55.113.675.093
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	1.085.378.940	1.054.407.070
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>824.007.131.402</b>	<b>838.546.147.094</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	30.000.000	30.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>180.157.072.342</b>	<b>194.684.128.824</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	159.779.806.374	166.215.534.492
- Nguyên giá	222		331.513.052.658	334.207.994.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.733.246.284)	(167.992.459.819)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	20.377.265.968	28.468.594.332
- Nguyên giá	228		25.906.571.212	33.901.571.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.529.305.244)	(5.432.976.880)
<b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>158.245.157.040</b>	<b>158.245.157.040</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	251		80.995.015.031	80.995.015.031
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		77.250.142.009	77.250.142.009
<b>VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>	<b>5.11</b>	<b>485.363.127.504</b>	<b>485.363.127.504</b>
1. Đầu tư vào công ty con	261		440.000.000.000	445.192.580.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		56.800.656.731	51.608.076.731
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(11.437.529.227)	(11.437.529.227)
<b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>211.774.516</b>	<b>223.733.726</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		28.015.697	39.974.907
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		183.758.819	183.758.819
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)</b>	<b>280</b>		<b>2.414.809.143.319</b>	<b>2.423.170.918.257</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND (Phân loại lại)
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.586.528.161.884</b>	<b>1.578.807.538.752</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.476.082.416.565</b>	<b>1.465.205.793.433</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	309.463.168.936	294.785.128.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	156.348.646.496	169.111.829.185
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận thực và các khoản phải nộp của người mua	313		993.867.100	993.867.100
4. Phải trả người lao động	314	5.14	275.872.291	273.189.532
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		15.309.572.071	15.016.098.885
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	316	5.15	210.436.064.860	200.508.644.623
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		792.962	3.463.059
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	29.756.235.240	31.121.310.278
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321	5.17	750.704.416.714	750.598.482.830
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.793.779.895	2.793.779.895
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>110.445.745.319</b>	<b>113.601.745.319</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	46.932.351.362	46.932.351.362
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.13	8.742.072.242	8.742.072.242
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	54.771.321.715	57.927.321.715
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>828.280.981.435</b>	<b>844.363.379.505</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>828.280.981.435</b>	<b>844.363.379.505</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.035.198.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.340.505.143	6.340.505.143
4. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(85.679.712.989)	(85.679.712.989)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.730.094.638)	5.352.303.432
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		5.352.303.432	(58.224.749.013)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(16.082.398.070)	63.577.052.445
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.414.809.143.319</b>	<b>2.423.170.918.257</b>

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026		Năm 2026	
			VND	VND	VND	VND
1	01	6.1	52.721.357.145	28.683.057.599	52.721.357.145	28.683.057.599
3	10	6.1	52.721.357.145	28.683.057.599	52.721.357.145	28.683.057.599
4	11	6.2	45.825.840.490	34.701.116.784	45.825.840.490	34.701.116.784
5	20		6.895.516.655	(6.018.059.185)	6.895.516.655	(6.018.059.185)
6	21		-	-	-	-
7	22	6.3	5.408.571.105	5.485.351.954	5.408.571.105	5.485.351.954
8	23	6.3	21.234.438.910	18.074.927.329	21.234.438.910	18.074.927.329
	24		21.234.438.910	17.845.149.361	21.234.438.910	17.845.149.361
	26	6.4	8.095.491.437	6.853.193.622	8.095.491.437	6.853.193.622
10	30		(17.025.842.587)	(25.460.828.182)	(17.025.842.587)	(25.460.828.182)
12	31		1.106.348.340	-	1.106.348.340	-
13	32		162.903.823	160.846.069	162.903.823	160.846.069
14	40	6.5	943.444.517	(160.846.069)	943.444.517	(160.846.069)
15	50		(16.082.398.070)	(25.621.674.251)	(16.082.398.070)	(25.621.674.251)
16	51	6.6	-	-	-	-
17	52		-	-	-	-
18	60		(16.082.398.070)	(25.621.674.251)	(16.082.398.070)	(25.621.674.251)
19	70	6.7	(196)	(312)	(196)	(312)

Người lập biểu



Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết

 Đà Nẵng, ngày 18 tháng 05 năm 2026  
 Chủ tịch HĐQT


Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2026 VNĐ	Năm 2025 VNĐ
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(16.082.398.070)</b>	<b>(25.621.674.251)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.837.114.829	5.156.422.825
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(24.315.129)	-
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(5.384.199.752)	(5.443.154.066)
- Chi phí đi vay	06	21.234.438.910	17.845.149.361
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>3.580.640.788</b>	<b>(8.063.256.131)</b>
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(5.683.557.588)	48.748.758.962
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	32.927.124	(3.628.626.702)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	10.770.689.248	(35.281.932.131)
- Tăng/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	11.959.210	71.024.009
- Chi phí đi vay đã trả	14	-	(26.602.263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.393.659.165)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.315.901.790)	(881.187.574)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.396.756.992</b>	<b>(4.455.480.995)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	155.000.000	-
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	604.285	1.768.861
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>155.604.285</b>	<b>1.768.861</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
1 Tiền thu từ đi vay	33	180.250.000	20.367.165.494
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.206.000.987)	(14.788.812.743)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.025.750.987)</b>	<b>5.578.352.751</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>526.610.290</b>	<b>1.124.640.617</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.302.038.780</b>	<b>4.594.247.193</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.828.649.070</b>	<b>5.718.887.810</b>

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 05 năm 2026

Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Giang Nam



Đỗ Thanh Kiệt



Nguyễn Anh Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính của Đà Nẵng: 344 Phan Châu Trinh, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2026 là 69 người (Tại ngày 31/12/2025 là 69 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chi tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/03/2026, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	31/03/2026	01/01/2026
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	-	54,73
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	100	100
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương	100	100
<b>Đầu tư khác</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	5,41	5,41
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	18,58	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	1,78	1,78
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	18,63	-

Tỷ lệ về quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại các công ty con và công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn góp tại các đơn vị này.

(\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ/HĐQT-VNECO4 ngày 06/02/2026, Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4 đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 10,28 tỷ đồng lên 30,28 tỷ đồng. Do không tham gia mua thêm cổ phần, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại VNECO4 bị giảm xuống còn 18,58%. Vì vậy, Tổng Công ty chấm dứt nghĩa vụ hợp nhất số liệu của VNECO4 và thực hiện phân loại lại khoản đầu tư này thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thông tin đối với các khoản đầu tư vào các công ty con :****1. Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1:**

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

**2. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương**

Địa chỉ: Lô D19 Khu Đô thị mới Mỹ Thượng, Phường Mỹ Thượng, TP Huế

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/03/2026 bao gồm :**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, thành phố Hồ Chí Minh
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc (*)	Ngày 12/07/2024, Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội thông báo đã chấp thuận hồ sơ tạm ngừng kinh doanh của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam – Chi nhánh miền Bắc

(\*) Chi nhánh đã tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày 20/7/2024 theo Thông báo số 670 TB/VNECO-TH ngày 12/7/2024 của Tổng Công ty.

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Các Biểu mẫu: B 01-DN; B 02-DN; B 03-DN; B 09-DN đã sử dụng để lập Báo cáo tài chính này được quy định tại các Thông tư nêu trên.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giải định về khả năng hoạt động liên tục**

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và Ban điều hành luôn nỗ lực đảm bảo các kế hoạch này được thực hiện hiệu quả.
- Tổng Công ty vẫn tiếp tục triển khai các hợp đồng xây dựng, các dự án bất động sản và các hoạt động dịch vụ khác để bù đắp được cho hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty... làm tiền đề Tổng Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tới.

Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

**Các khoản đầu tư khác:**

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Nguyên tắc kế toán nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

***Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

***Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình***

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Bản quyền, bằng sáng chế khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 04 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

***Cho thuê tài sản*****Cho thuê hoạt động****Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.**

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

***Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí phải trả khác.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu trong năm của Tổng Công ty bao gồm: Doanh thu bán bất động sản, doanh thu hợp đồng xây dựng, doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động và doanh thu khác.

***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty nắm giữ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	6.134.195.354	6.031.116.799
Tiền gửi ngân hàng	694.453.716	270.921.981
<b>Tổng</b>	<b>6.828.649.070</b>	<b>6.302.038.780</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**5.2. Phải thu khách hàng**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>546.478.398.912</b>	<b>528.575.604.254</b>
Các ban quản lý thuộc tập đoàn điện lực	172.015.259.222	161.759.652.375
Công ty Cổ phần điện Sài Gòn Gia Định	49.500.000.000	49.500.000.000
Công ty TNHH Hưng Long	77.000.000.000	77.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	33.400.000.000	33.400.000.000
Công ty cổ phần Năng Lượng VNECO	175.000.000.000	175.000.000.000
Phải thu các đối tượng khác	39.563.139.690	31.915.951.879
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>546.478.398.912</b>	<b>528.575.604.254</b>

**5.3. Trả trước cho người bán**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>51.809.433.159</b>	<b>58.795.440.195</b>
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	25.493.022.727	25.493.022.727
Phải thu các đối tượng khác	26.316.410.432	33.302.417.468
<b>Tổng</b>	<b>51.809.433.159</b>	<b>58.795.440.195</b>

(\*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.4. Phải thu về cho vay**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>164.992.000.000</b>	<b>164.992.000.000</b>
Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	153.190.000.000	153.190.000.000
Công ty cổ phần VNECO-RME	9.550.000.000	9.550.000.000
Các đối tượng khác	2.252.000.000	2.252.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>164.992.000.000</b>	<b>164.992.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**5.5. Phải thu khác**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>560.375.982.239</b>	<b>(4.671.078.079)</b>	<b>556.892.411.666</b>	<b>(4.671.078.079)</b>
- Tạm ứng	58.231.637.448	(4.671.078.079)	29.403.113.172	(4.671.078.079)
- Phải thu khác	502.144.344.791	-	527.489.298.494	-
<i>Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1</i>	66.628.438.705	-	61.080.013.916	-
<i>Công ty Cổ phần Cầu trúc Doanh nghiệp Việt Nam</i>	386.977.067.905	-	450.692.667.905	-
<i>Phải thu khác</i>	48.538.838.181	-	15.716.616.673	-
<b>Dài hạn</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>560.405.982.239</b>	<b>(4.671.078.079)</b>	<b>556.922.411.666</b>	<b>(4.671.078.079)</b>

**5.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	14.435.571.874	-	14.435.571.874
<i>Trong đó:</i>	<b>Quá hạn 06 tháng - 01 năm</b>	<b>Quá hạn 01 - 02 năm</b>	<b>Quá hạn 02 - 03 năm</b>	<b>Quá hạn trên 03 năm</b>
Ban QLDA Các công trình điện miền Nam - Xây lắp đZ 500kV Tân Uyên và đầu nối	-	-	-	3.803.898.217
Công ty TNHH Đạt Vĩnh Tiến	-	-	-	1.500.000.000
Hồ Văn Quang	-	-	-	1.950.380.150
Đối tượng khác	-	-	-	7.181.293.507
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.435.571.874</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**5.7. Hàng tồn kho**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.986.700	-	3.986.700	-
Công cụ, dụng cụ	1.530.442.700	-	1.530.442.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh đờ đang công trình	217.921.919.137	-	298.949.861.292	-
<i>Công trình ĐZ 220kV đầu nổi DA Điện gió Cà Mau 1 vào lưới điện Quốc Gia</i>	<i>79.152.913.618</i>	-	<i>79.152.913.618</i>	-
<i>Công trình TBA GIS 220kV DA Điện gió Cà Mau 1</i>	<i>28.085.940.778</i>	-	<i>28.085.940.778</i>	-
<i>Công trình khác</i>	<i>8.289.187.282</i>	-	<i>8.322.114.406</i>	-
Hàng hóa bất động sản	102.393.877.459	-	102.393.877.459	-
Hàng hóa	3.782.728	-	3.782.728	-
<b>Tổng</b>	<b>219.460.131.265</b>	<b>-</b>	<b>219.493.058.389</b>	<b>-</b>

**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

Quý 1/2026	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01	74.220.099.384	228.615.890.184	30.493.128.606	878.876.137	334.207.994.311
Giảm trong năm	1.831.760.000	-	-	-	2.694.941.653
Thanh lý	1.831.760.000	863.181.653	-	-	2.694.941.653
Tại ngày 31/03	72.388.339.384	228.615.890.184	30.493.128.606	878.876.137	331.513.052.658
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01	50.241.740.547	98.130.692.760	19.117.514.010	502.512.502	167.992.459.819
Tăng trong năm	864.351.302	3.553.556.083	534.095.133	-	4.952.002.518
Do trích khấu hao	864.351.302	3.553.556.083	534.095.133	-	4.952.002.518
Giảm trong năm	348.034.400	863.181.653	-	-	1.211.216.053
Thanh lý	348.034.400	863.181.653	-	-	1.211.216.053
Tại ngày 31/03	50.758.057.449	100.821.067.190	19.651.609.143	502.512.502	171.733.246.284
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01	23.978.358.837	130.485.197.424	11.375.614.596	376.363.635	166.215.534.492
Tại ngày 31/03	21.630.281.935	127.794.822.994	10.841.519.463	376.363.635	159.779.806.374

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**5.9. Tài sản cố định vô hình**

Quý 1/2025	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>				
Tại ngày 01/01/2026	33.302.284.892	50.086.320	549.200.000	33.901.571.212
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	7.995.000.000	-	-	7.995.000.000
Tại ngày 31/03/2026	25.307.284.892	50.086.320	549.200.000	25.906.571.212
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>				
Tại ngày 01/01/2026	4.833.690.560	50.086.320	549.200.000	5.432.976.880
Tăng trong năm	96.328.364	-	-	96.328.364
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	4.930.018.924	50.086.320	549.200.000	5.529.305.244
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>				
Tại ngày 01/01/2026	28.468.594.332	-	-	28.468.594.332
Tại ngày 31/03/2026	20.377.265.968	-	-	20.377.265.968

**5.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	80.995.015.031	-	80.995.015.031	-
Khu đô thị mới Mỹ Thượng	80.995.015.031	-	80.995.015.031	-
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	77.250.142.009	-	77.250.142.009	-
Dự án siêu thị Green Mart	72.416.851.673	-	72.416.851.673	-
Các dự án khác	4.833.290.336	-	4.833.290.336	-
<b>Tổng</b>	<b>158.245.157.040</b>	<b>-</b>	<b>158.245.157.040</b>	<b>-</b>

**5.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****Đầu tư vào Công ty con**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (i)	-	-	5.192.580.000	(162.062.103)
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	440.000.000.000	(8.419.496.180)	440.000.000.000	(8.419.496.180)
<b>Tổng</b>	<b>440.000.000.000</b>	<b>(8.419.496.180)</b>	<b>445.192.580.000</b>	<b>(8.581.558.283)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>431.580.503.820</b>		<b>436.611.021.717</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**Đầu tư khác**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư khác</b>	<b>56.800.656.731</b>	<b>(3.018.033.047)</b>	<b>51.608.076.731</b>	<b>(2.855.970.944)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồi Xuân VNECO	30.820.000.000	(2.351.805.573)	30.820.000.000	(2.351.805.573)
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	18.633.980.000	-	18.833.980.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (ii)	1.839.420.000	(257.518.800)	1.639.420.000	(257.518.800)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4 (i)	5.192.580.000	(162.062.103)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (iii)	310.868.571	(246.646.571)	310.868.571	(246.646.571)
Khác	3.808.160	-	3.808.160	-
<b>Tổng</b>	<b>56.800.656.731</b>	<b>(3.018.033.047)</b>	<b>51.608.076.731</b>	<b>(2.855.970.944)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>53.782.623.684</b>		<b>48.752.105.787</b>	

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ/HĐQT-VNECO4 ngày 06/02/2026, Công ty CP Xây dựng Điện VNECO4 đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 10,28 tỷ đồng lên 30,28 tỷ đồng. Do không tham gia mua thêm cổ phần, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại VNECO4 bị giảm xuống còn 18,58%. Vì vậy, Tổng Công ty chấm dứt nghĩa vụ hợp nhất số liệu của VNECO4 và thực hiện phân loại lại khoản đầu tư này thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>309.463.168.936</b>	<b>309.463.168.936</b>	<b>294.785.128.046</b>	<b>330.324.745.985</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423	4.712.618.423
Công ty CP Điện lực LICOGI 16	23.066.416.825	23.066.416.825	24.112.345.669	59.651.963.608
Phải trả cho các đối tượng khác	281.684.133.688	281.684.133.688	265.960.163.954	265.960.163.954
<b>Dài hạn</b>	<b>46.932.351.362</b>	<b>46.932.351.362</b>	<b>46.932.351.362</b>	<b>46.932.351.362</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	38.262.170.907	38.262.170.907	38.262.170.907	38.262.170.907
Các đối tượng khác	8.670.180.455	8.670.180.455	8.670.180.455	8.670.180.455
<b>Tổng</b>	<b>356.395.520.298</b>	<b>356.395.520.298</b>	<b>341.717.479.408</b>	<b>377.257.097.347</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026

**5.13. Người mua trả tiền trước**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>156.348.646.496</b>	<b>169.111.829.185</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	99.820.774.248	99.820.774.248
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	12.000.413.426	12.000.413.426
Trần Văn Trạn	-	11.200.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	44.527.458.822	46.090.641.511
<b>Dài hạn</b>	<b>8.742.072.242</b>	<b>8.742.072.242</b>
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
<b>Tổng</b>	<b>165.090.718.738</b>	<b>177.853.901.427</b>

**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2026 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>273.189.532</b>	<b>18.544.687</b>	<b>15.861.928</b>	<b>275.872.291</b>
Thuế giá trị gia tăng	266.701.394	18.544.687	15.861.928	269.384.153
Thuế thu nhập cá nhân	6.488.138	-	-	6.488.138
<b>Phải thu</b>	<b>1.054.407.070</b>	<b>9.570.865</b>	<b>40.542.735</b>	<b>1.085.378.940</b>
Thuế giá trị gia tăng	9.570.865	9.570.865	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.042.026.166	-	-	1.042.026.166
Thuế thu nhập cá nhân	2.810.039	-	39.495.000	42.305.039
Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	1.047.735	1.047.735

**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Trích trước chi phí lãi vay	193.702.328.526	161.931.915.365
Trích trước chi phí công trình	14.560.300.238	36.403.293.162
Các khoản khác	2.173.436.096	2.173.436.096
<b>Tổng</b>	<b>210.436.064.860</b>	<b>200.508.644.623</b>

**5.16. Phải trả khác**

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Kinh phí công đoàn	817.324.511	857.382.077
Bảo hiểm xã hội	462.257.531	469.575.830
Phải trả, phải nộp khác	28.476.653.198	29.794.352.371
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	978.444.203	688.173.506
Nguyễn Hồng Tân	800.000.000	-
Phạm Đỗ Minh Triết	1.760.508.283	1.760.508.283
Đào Gia An	1.623.078.082	1.427.107.397
Các khoản khác	23.314.622.630	27.445.670.582
<b>Tổng</b>	<b>29.756.235.240</b>	<b>31.121.310.278</b>



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

## 5.17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	(57.870.538.226)	781.140.537.847
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	63.577.052.445	63.577.052.445
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(354.210.787)	(354.210.787)
Tại ngày 31/12/2025	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	5.352.303.432	844.363.379.505
Tại ngày 01/01/2026	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	5.352.303.432	844.363.379.505
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(16.082.398.070)	(16.082.398.070)
Tại ngày 31/03/2026	904.329.530.000	2.035.198.453	6.340.505.143	(85.679.712.989)	11.985.555.466	(10.730.094.638)	828.280.981.435

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Share capital	820.552.330.000	820.552.330.000
Treasury shares	83.777.200.000	83.777.200.000
Total	904.329.530.000	904.329.530.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**a. Cổ phiếu**

	31/03/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.377.720	8.377.720
Cổ phiếu phổ thông	8.377.720	8.377.720
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.055.233	82.055.233
Cổ phiếu phổ thông	82.055.233	82.055.233
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1 Doanh thu**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	885.793.847	553.916.672	885.793.847	553.916.672
Doanh thu hoạt động xây lắp	51.835.563.298	28.129.140.927	51.835.563.298	28.129.140.927
<b>Tổng</b>	<b>52.721.357.145</b>	<b>28.683.057.599</b>	<b>52.721.357.145</b>	<b>28.683.057.599</b>

**6.2 Giá vốn**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.268.281.179	922.687.644	1.268.281.179	922.687.644
Giá vốn hoạt động xây lắp	44.557.559.311	33.778.429.140	44.557.559.311	33.778.429.140
<b>Tổng</b>	<b>45.825.840.490</b>	<b>34.701.116.784</b>	<b>45.825.840.490</b>	<b>34.701.116.784</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**6.3 Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026 VND	Năm 2025 VND	Năm 2026 VND	Năm 2025 VND
<b><u>Doanh thu hoạt động tài chính</u></b>				
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.384.255.976	5.443.154.066	5.384.255.976	5.443.154.066
Doanh thu hoạt động tài	24.315.129	42.197.888	24.315.129	42.197.888
	<b>5.408.571.105</b>	<b>5.485.351.954</b>	<b>5.408.571.105</b>	<b>5.485.351.954</b>
<b><u>Chi phí hoạt động tài chính</u></b>				
Lãi tiền vay	21.234.438.910	17.845.149.361	21.234.438.910	17.845.149.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	229.777.968	-	229.777.968
	<b>21.234.438.910</b>	<b>18.074.927.329</b>	<b>21.234.438.910</b>	<b>18.074.927.329</b>
<b>Thu nhập tài chính thuần</b>	<b>(15.825.867.805)</b>	<b>(12.589.575.375)</b>	<b>(15.825.867.805)</b>	<b>(12.589.575.375)</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026 VND	Năm 2025 VND	Năm 2026 VND	Năm 2025 VND
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>8.095.491.437</b>	<b>6.853.193.622</b>	<b>8.095.491.437</b>	<b>6.853.193.622</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.557.936.660	1.602.646.675	2.557.936.660	1.602.646.675
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.167.273	41.512.761	5.167.273	41.512.761
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.937.878.441	4.602.639.221	3.937.878.441	4.602.639.221
Thuế phí và lệ phí	16.808.789	123.004.454	16.808.789	123.004.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.195.627	119.004.454	22.195.627	119.004.454
Chi phí bằng tiền khác	1.555.504.647	364.386.057	1.555.504.647	364.386.057
<b>Tổng</b>	<b>8.095.491.437</b>	<b>6.853.193.622</b>	<b>8.095.491.437</b>	<b>6.853.193.622</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**6.5 Thu nhập khác, chi phí khác**

	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>				
Lãi thuần hoạt động thanh lý TSCĐ	703.092.582	-	703.092.582	-
Các khoản khác	403.255.758	-	403.255.758	-
<b>Tổng</b>	<b>1.106.348.340</b>	<b>-</b>	<b>1.106.348.340</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí khác</b>				
Chi phí chậm nộp BHXH, thuế	3.724.112	131.683.588	3.724.112	131.683.588
Phạt vi phạm hợp đồng	159.179.711	-	159.179.711	-
Chi phí khác	-	29.162.481	-	29.162.481
<b>Tổng</b>	<b>162.903.823</b>	<b>160.846.069</b>	<b>162.903.823</b>	<b>160.846.069</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>943.444.517</b>	<b>(160.846.069)</b>	<b>943.444.517</b>	<b>(160.846.069)</b>

**6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(16.082.398.070)</b>	<b>(25.621.674.251)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng/giảm:</b>	<b>526.810.362</b>	<b>654.769.838</b>
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>348.000.000</i>	<i>348.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt mức 1,6 tỷ đồng</i>	<i>175.086.250</i>	<i>175.086.250</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>3.724.112</i>	<i>131.683.588</i>
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(15.555.587.708)</b>	<b>(133.460.563.611)</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(16.082.398.070)</b>	<b>(25.621.674.251)</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc phân bổ cho cổ đông lớn sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(16.082.398.070)</b>	<b>(25.621.674.251)</b>
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	82.055.233	82.055.233
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(196)</b>	<b>(312)</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách Bên liên quan**

<b>STT</b>	<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
2	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
3	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương	Công ty con
4	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng Lượng Vneco	Ảnh hưởng đáng kể
5	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Ảnh hưởng đáng kể
6	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Ảnh hưởng đáng kể
7	Công ty TNHH Vneco Miền Trung	Ảnh hưởng đáng kể
8	Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Ảnh hưởng đáng kể
9	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Ảnh hưởng đáng kể
10	Công ty TNHH TMDV Đầu tư và Phát triển năng lượng sạch Châu	Ảnh hưởng đáng kể
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	Ảnh hưởng đáng kể
12	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Ảnh hưởng đáng kể
13	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Ảnh hưởng đáng kể
14	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ	Ảnh hưởng đáng kể

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành bao gồm:*****Thù lao thành viên HĐQT***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Quý 1/2026 VND</b>	<b>Quý 1/2025 VND</b>
Nguyễn Anh Tuấn ( <i>Tái bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Chủ tịch HĐQT	178.500.000	210.000.000
Đào Ngọc Quỳnh ( <i>Tái bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Phó Chủ tịch HĐQT	102.000.000	120.000.000
Nguyễn Tịnh ( <i>Tái bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Đỗ Thanh Khiết ( <i>Bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên HĐQT	21.000.000	-
Trần Phi Hoàng ( <i>Bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên HĐQT	21.000.000	-
Trần Quang Cần ( <i>miễn nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên HĐQT	-	21.000.000
Phạm Phú Mai ( <i>miễn nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Phó Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000
<b>Tổng</b>		<b>343.500.000</b>	<b>492.000.000</b>

***Thù lao Ban kiểm soát***

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Quý 1/2026 VND</b>	<b>Quý 1/2025 VND</b>
Nguyễn Duy Lợi ( <i>Bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Trưởng BKS	63.750.000	-
Nguyễn Đức Thường ( <i>Tái bổ nhiệm 08/12/2025</i> )	Thành viên BKS	12.000.000	48.000.000
Nguyễn Thành Long ( <i>Bổ nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên BKS	12.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Hà ( <i>Miễn nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Trưởng BKS	-	75.000.000
Nguyễn Thị Như ( <i>Miễn nhiệm ngày 08/12/2025</i> )	Thành viên BKS	-	12.000.000
<b>Tổng</b>		<b>87.750.000</b>	<b>135.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

*Tiền lương của Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác*

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Quý 1/2026 VND</u>	<u>Quý 1/2025 VND</u>
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	184.786.364	204.381.250
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	106.953.604	110.442.162
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	107.776.503	110.744.676
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	106.540.361	110.228.763
Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	107.776.503	124.754.047
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	30.000.000	30.000.000
Đỗ Thanh Khiết	Giám đốc Tài chính	102.000.000	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	106.462.692	120.490.514
<b>Tổng</b>		<b>852.296.027</b>	<b>811.041.412</b>

*Tiền lương và thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Quý 1/2026 VND</u>	<u>Quý 1/2025 VND</u>
Lương và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương, thù lao	431.250.000	627.000.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương, thưởng	852.296.027	811.041.412

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**Giao dịch với các bên liên quan**

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND
<b>Vay</b>			
Đỗ Ngọc Long	Thu xếp vốn	180.250.000	3.088.029.720
Phạm Đỗ Minh Triết	Thu xếp vốn	130.250.000	2.868.029.720
		50.000.000	220.000.000
<b>Mượn tiền</b>			
Nguyễn Hồng Tân	Cho mượn tiền	800.000.000	-
		800.000.000	-
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Cho thuê thiết bị	629.629.630	-
		629.629.630	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Giá trị xây lắp hoàn thành	4.891.538.569	5.767.467.120
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Giá trị xây lắp hoàn thành	1.501.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Giá trị xây lắp hoàn thành	3.390.538.569	4.289.033.237
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	367.044.879
	Giá trị xây lắp hoàn thành	-	1.111.389.004
<b>Lãi cho vay và bán hàng trả chậm</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Lãi thu xếp vốn, bán hàng trả chậm	3.393.208.666	5.483.583.093
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Lãi thu xếp vốn, bán hàng trả chậm	-	10.839.259
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Lãi thu xếp vốn, bán hàng trả chậm	-	12.396.416
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Lãi thu xếp vốn	3.390.538.569	5.441.385.205
	Lãi thu xếp vốn, bán hàng trả chậm	2.670.097	18.962.213
<b>Lãi vay</b>			
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Lãi thu xếp vốn	426.957.758	57.416.182
Đỗ Ngọc Long	Lãi thu xếp vốn	57.416.182	57.416.182
	Lãi thu xếp vốn	369.541.576	-
<b>Giao dịch trả nợ gốc vay</b>			
Phạm Đỗ Minh Triết	Trả nợ gốc vay	3.206.000.000	1.500.000.000
<b>Tạm ứng</b>			
Đỗ Thanh Kiệt	Tạm ứng chi phí kinh doanh	3.206.000.000	1.500.000.000
Đỗ Thanh Kiệt	Hoàn ứng	25.050.000.000	-
		24.850.000.000	-
		200.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

Số dư với các bên liên quan

Mối quan hệ	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	52.743.453.151	53.210.554.430
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	52.743.453.151	53.210.554.430
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	35.153.803.319	35.153.803.319
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	68.594.957	68.594.957
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	420.486.790	420.486.790
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	320.529.006	320.529.006
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	487.343.713	487.343.713
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	-	147.101.279
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	7.698.375.366	7.698.375.366
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	8.594.320.000	8.914.320.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	10.030.784.778	10.030.784.778
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	3.029.829.107	3.029.829.107
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	6.780.376.732	6.780.376.732
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	220.578.939	220.578.939
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	155.242.000.000	155.242.000.000
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	152.192.000.000	152.192.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	2.950.000.000	2.950.000.000
<b>Phải thu tạm ứng</b>	24.650.000.000	-
Đỗ Thanh Khiết	24.650.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	75.307.142.194	69.576.601.111
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	135.000.000	135.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	2.667.252.874	2.667.252.874
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	232.572.888	232.572.888
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	66.628.438.705	61.080.013.916
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	436.293.019	433.433.964
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	3.301.673.618	3.154.572.339
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	1.901.390.542	1.869.234.582
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	4.520.548	4.520.548
	5.548.424.789	
<b>Giám đốc tài chính</b>		
Công ty con (*)		
Ảnh hưởng đáng kể		
Ảnh hưởng đáng kể		
Công ty con		
Ảnh hưởng đáng kể		
Ảnh hưởng đáng kể		
Công ty con		
Ảnh hưởng đáng kể		
Ảnh hưởng đáng kể		
Ảnh hưởng đáng kể		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Mối quan hệ	31/03/2026	01/01/2026
<b>Phải trả người bán</b>	<b>60.681.533.180</b>	<b>58.661.970.482</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>52.011.352.725</b>	<b>49.991.790.027</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	6.904.071.150	8.172.991.150
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	21.752.458.184	18.368.975.486
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	42.160.000	42.160.000
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	17.020.911.326	17.090.911.326
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	1.343.458.049	1.368.458.049
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	4.943.571.419	4.943.571.419
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VNECO 9	4.722.597	4.722.597
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>8.670.180.455</b>	<b>8.670.180.455</b>
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	5.923.753.440	5.923.753.440
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	2.746.427.015	2.746.427.015
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>7.540.000.000</b>	<b>7.540.000.000</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>7.540.000.000</b>	<b>7.540.000.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	1.340.000.000	1.340.000.000
Công ty TNHH TMDV Đầu tư và Phát triển năng lượng sạch Châu Á	6.200.000.000	6.200.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>15.666.441.787</b>	<b>18.692.191.787</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	2.217.662.067	2.217.662.067
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	2.800.000.000	2.800.000.000
Phạm Hữu Minh Huy	195.500.000	195.500.000
Đỗ Ngọc Long	10.453.279.720	10.323.029.720
Phạm Đỗ Minh Triết	-	3.156.000.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>5.063.211.804</b>	<b>3.836.254.046</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	978.444.203	921.028.021
Đỗ Ngọc Long	1.524.259.318	1.154.717.742
Phạm Đỗ Minh Triết	1.760.508.283	1.760.508.283
Nguyễn Hồng Tân	800.000.000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**7.2 Báo cáo Bộ phận**

<b><u>Báo cáo kết quả bộ phận</u></b>				
<b>Quý 1/2026</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Bất động sản</b>	<b>Kinh doanh khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu	51.835.563.298	-	885.793.847	52.721.357.145
Giá vốn	44.557.559.311	-	1.268.281.179	45.825.840.490
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>7.278.003.987</b>	<b>-</b>	<b>(382.487.332)</b>	<b>6.895.516.655</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				5.408.571.105
Chi phí tài chính				(21.234.438.910)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(8.095.491.437)
Thu nhập khác				943.444.517
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(16.082.398.070)</b>
<b>Quý 1/2025</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Bất động sản</b>	<b>Kinh doanh khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu	28.129.140.927	-	553.916.672	28.683.057.599
Giá vốn	33.778.429.140	-	922.687.644	34.701.116.784
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>(5.649.288.213)</b>	<b>-</b>	<b>(368.770.972)</b>	<b>(6.018.059.185)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				5.485.351.954
Chi phí tài chính				(18.074.927.329)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(6.853.193.622)
Thu nhập khác				(160.846.069)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>(25.621.674.251)</b>
<b><u>Tài sản và nợ bộ phận</u></b>				
<b>Tại ngày 31/03/2026</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Bất động sản</b>	<b>Kinh doanh khác</b>	<b>Tổng</b>
Tài sản bộ phận	327.062.282.445	290.340.802.644	362.947.756.066	980.350.841.155
Tài sản không phân bổ				1.442.820.077.102
<b>Tổng tài sản</b>	<b>327.062.282.445</b>	<b>290.340.802.644</b>	<b>362.947.756.066</b>	<b>2.423.170.918.257</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	887.501.605.145	216.499.569.743	94.957.297.359	1.198.958.472.247
Nợ phải trả không phân bổ				387.569.689.637
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>887.501.605.145</b>	<b>216.499.569.743</b>	<b>94.957.297.359</b>	<b>1.586.528.161.884</b>
<b>Tại ngày 01/01/2026</b>	<b>Xây lắp</b>	<b>Bất động sản</b>	<b>Kinh doanh khác</b>	<b>Tổng</b>
Tài sản bộ phận	311.167.464.280	290.581.861.734	371.258.181.372	973.007.507.386
Tài sản không phân bổ				1.450.163.410.871
<b>Tổng tài sản</b>	<b>311.167.464.280</b>	<b>290.581.861.734</b>	<b>371.258.181.372</b>	<b>2.423.170.918.257</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	885.840.212.970	168.352.000.000	93.617.297.359	1.147.809.510.329
Nợ phải trả không phân bổ				430.998.028.423
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>885.840.212.970</b>	<b>168.352.000.000</b>	<b>93.617.297.359</b>	<b>1.578.807.538.752</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 31/03/2026

**GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam xin giải trình các nội dung sau:

**Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính Tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 lỗ 16.082.398.070 đồng, số lỗ giảm 9.539.276.181 đồng so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do các nguyên nhân sau:**

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Q1/2026	Q1/2025	+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	52.721	28.683	24.038	83,8%
2	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	6.896	(6.018)	12.914	(214,6%)
3	Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(15.826)	(12.590)	(3.236)	25,7%
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(16.082)</b>	<b>(25.622)</b>	<b>9.540</b>	<b>(37,2%)</b>

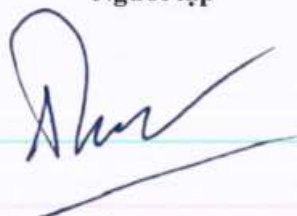
Quý I/2026, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 52.721 triệu đồng, tăng 24.038 triệu đồng, tương đương tăng 83,8% so với cùng kỳ năm 2025. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 6.896 triệu đồng, trong khi cùng kỳ năm 2024 lỗ 6.018 triệu đồng (tăng 12.914 triệu đồng).

Bên cạnh đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính ghi nhận âm 15.826 triệu đồng, giảm 3.236 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí tài chính (đặc biệt là chi phí lãi vay) phát sinh trong kỳ vẫn ở mức cao đạt 21.234 triệu đồng.

**==>> Lợi nhuận gộp tăng mạnh đã góp phần bù đắp các chi phí phát sinh trong kỳ, qua đó làm cho số lỗ sau thuế TNDN Quý I/2026 trên BCTC đạt 16.082 triệu đồng, cải thiện (giảm lỗ) 9.540 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025, tương đương mức giảm lỗ 37,2%.**

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 05 năm 2026

Người lập



Nguyễn Giang Nam

Giám đốc tài chính



Đỗ Thanh Khiết

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn